

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HSST

Ngày: 10-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức

Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Chúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-HS ngày 26/6/2020 đối với các bị cáo sau:

1. Lê Văn T. Sinh ngày 08/7/1969, tại xã Văn L, huyện L, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: tổ 12, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức địa chính xã Ia GL, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức L (đã chết) và bà Đào Thị Đ, sinh năm 1935; có vợ con là Lê Thị H, có 02 con sinh năm 1998 và 2000; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Trần Xuân C. Sinh ngày 27/01/1975, tại xã Thạch H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: thôn O Bung, xã Ia, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch UBND xã Ia, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai, nay là nhân viên tại Ban quản lý chợ Mỹ Th, huyện Chư S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; có vợ là Ngô Thị Th, có 02 con sinh năm 2003 và 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Huỳnh Thị Ph. Sinh ngày 14/10/1980, tại huyện Đăk T, tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: tổ dân phố 5, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S,

tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đức Th (đã chết) và bà Vi Thị A, sinh năm 1941; có chồng là Đào Kim T, có 02 con sinh năm 2010 và 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Trần Văn L. Sinh ngày 08/4/1967, tại xã Hưng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: tổ 12, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Văn phòng HĐND và UBND huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị C, có 02 con sinh năm 1995 và 2000; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Rah Lan Hr, sinh năm 1961, bà Siu Ngh. Có mặt

Ông Siu B, sinh năm 1984. Vắng mặt

Cùng trú tại: Làng S, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai

Bà Hà Thị To, sinh năm 1980. Hiện đang bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt

*** Người phiên dịch tiếng Jrai:** bà Nay H’Yan. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Rah Lan Hr (sinh năm 1961; trú tại: Làng S, xã IaH, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai) và Hà Thị To (sinh năm: 1980; trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai) có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Vào thời gian cuối năm 2014, ông Rah Lan Hr có nhờ Hà Thị To làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho anh Siu B (là con trai của ông Hr) đối với thửa đất có diện tích là 12.443m² tại làng V, xã Ia, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, Hà Thị To đã không làm các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cho Siu B như đã nhận lời với ông Hr, mà To lại làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất này cho Hà Thị To và Lê Văn Ch (Ch là chồng của To, đã ly hôn). To tự viết Giấy sang nhượng đất rầy đề ngày 02/5/2007 với nội dung: Ông Rah Lan Hr bán một mảnh đất có diện tích 14.000 m² đất cho Hà Thị To với giá tiền 100 triệu đồng, nhưng không thể hiện địa chỉ thửa đất ở đâu. Qua điều tra, ông Hr khai lý do To có Giấy sang nhượng đất rầy này là do thời điểm đó, To có cho ông Hr mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và To có đưa cho ông Hr 01 tờ giấy trắng không ghi nội dung và bảo ông Hr là mượn tiền thì phải ký, ghi rõ họ tên ở cuối trang. Ông

Hr tin tưởng To nên đã ký vào tờ giấy trắng, do đó To đã viết Giấy sang nhượng đất rẫy sau khi ông Hr đã ký không vào trước.

Sau đó, To đã đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chư S (nay là Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S) để yêu cầu đo trích lục thửa đất. Hà Thị To bảo ông Hr cùng To dẫn ông Nguyễn Như H - cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S chỉ vị trí, ranh giới đất, để đo đạc, chụp hình thửa đất. Ông Hr đồng ý đi cùng vì tưởng là đi làm giấy tờ đất cho anh Siu B như ông Hr đã nhờ To. Ông H đã ký với tư cách người thực hiện và Hà Thị To ký chủ sử dụng đất trên trích lục thửa đất.

Ngày 15/12/2014, Hà Thị To đã nộp hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ tại bộ phận một cửa UBND xã IaK, huyện Chư S đối với thửa đất số 10, 11; tờ bản đồ số 66; địa chỉ thửa đất tại làng V, xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. Tại đây, Lê Văn T là công chức Địa chính - Xây dựng xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai đã trực tiếp nhận hồ sơ gồm có các tài liệu sau: Đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ của người kê khai là Hà Thị To nhưng không ghi ngày nên Lê Văn T viết ngày 15/12/2014; Giấy sang nhượng đất rẫy (viết tay) đề ngày 02/5/2007 có chữ ký bên mua là Hà Thị To và bên bán là Rah Lan Hr; Trích lục thửa đất có chữ ký của chủ sử dụng đất là Hà Thị To và người thực hiện là ông Nguyễn Như H.

Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của Hà Thị To thì Lê Văn T không đọc kỹ nội dung ghi trong Giấy sang nhượng đất rẫy đề ngày 02/5/2007 nên không phát hiện Giấy sang nhượng đất rẫy (viết tay) không thể hiện địa chỉ thửa đất. Lê Văn T không xác minh nguồn gốc, hiện trạng đất. To đã làm danh sách niêm yết công khai tại UBND xã IaKo trong thời gian 15 ngày, không niêm yết tại khu dân cư nơi có đất. Đến ngày 31/12/2014, UBND xã IaKo không nhận được đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến thửa đất của Lê Văn Ch- Hà Thị To nên lập Biên bản kết thúc niêm yết công khai. Lê Văn T không ghi 07 nội dung xác nhận nêu tại phần II của đơn và ký xác nhận với tư cách Công chức địa chính. Lê Văn T đã trình toàn bộ hồ sơ cho Trần Xuân C ký với tư cách Chủ tịch UBND xã IaK, huyện Chư S tại phần II của đơn. Trần Xuân C cũng không kiểm tra hồ sơ mà đã ký tên, đóng dấu xác nhận. Sau đó Lê Văn T đã trả hồ sơ cho Hà Thị To.

Sau khi nhận lại hồ sơ, Hà Thị To tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ tại bộ phận một cửa UBND huyện Chư S. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì có một người ở bộ phận một cửa UBND huyện (hiện nay không xác định được là ai) điện thoại cho Lê Văn T hỏi To sao không ghi nội dung xác nhận mà ký tên đóng dấu. Lê Văn T đã nhờ người đó viết nội dung xác nhận vào các mục tại phần II của đơn đăng ký. Do thời gian đã lâu nên To không nhớ đã nhờ người nào viết nội dung xác nhận trong đơn đăng ký; chữ viết trong đơn đăng ký không phải là chữ viết của Lê Văn To.

Tháng 01/2015, Huỳnh Thị Ph là nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của Hà Thị To và Lê Văn Ch từ bộ phận một cửa của UBND huyện Chư S. Ph kiểm tra

thông tin ghi trong Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ so với trích lục thửa đất và đã có xác nhận của UBND xã IaK, kiểm tra Giấy sang nhượng đất rẫy ngày 02/5/2007 thấy đầy đủ chữ ký của người mua và người bán nhưng do không đọc kỹ nên không phát hiện trong Giấy sang nhượng đất rẫy không thể hiện địa chỉ thửa đất. Trong hồ sơ không có các tài liệu thể hiện việc xác minh nguồn gốc, hiện trạng, công khai hồ sơ của UBND xã Ia K. Ph đối chiếu trích lục thửa đất với bản đồ địa chính phù hợp nên Ph đã ghi ý kiến của Cơ quan đăng ký đất đai tại phần III của đơn đăng ký với nội dung là “ Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 82 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014” và lập Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính rồi trình toàn bộ hồ sơ cho Trần Văn L - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S để ký xác nhận. L cũng không kiểm tra kỹ hồ sơ nên cũng không phát hiện được các sai phạm như trên và đã ký tên đóng dấu xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Sau đó, Ph chuyển toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Thuế huyện Chư S để ra thông báo nộp thuế và người sử dụng đất đã nộp tiền thuế thì bộ phận một cửa UBND huyện Chư S chuyển toàn bộ hồ sơ cho bộ phận in GCNQSDĐ của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S để in GCNQSDĐ. Ông Trịnh Xuân Đ – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chư S đã ký tờ trình số 76/TTr-VPĐK ngày 10/02/2015 về việc đề nghị ký GCNQSDĐ chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chư S. Ông Nguyễn Thanh Ph – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chư S đã nhận, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và làm tờ trình số 198/TTr-TN&MT ngày 11/02/2015. Ông Nguyễn Đình V – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chư S đã ký tờ trình. Ông Lê Đình H – Phó Chủ tịch UBND huyện Chư S đã ký cấp GCNQSDĐ số BX 418530 ngày 12/02/2015 đối với thửa đất số 10, 11 thuộc tờ bản đồ số 66, diện tích 12.443m², địa chỉ thửa đất tại làng V, xã Ia K, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai cho Hà Thị To- Lê Văn Ch.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ số BX 418530 nêu trên, Hà Thị To đã làm thủ tục thế chấp GCNQSDĐ để vay tiền. Ngày 07/6/2017, Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Chư S có cho Hà Thị To vay vốn đối với GCNQSDĐ số BX 418530 cấp ngày 12/02/2014 với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Đến ngày 07/03/2018, Hà Thị To đã quá hạn trả nợ gốc, Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Chư S đã thông báo quá hạn trả nợ gốc, lãi nhưng đến nay Hà Thị To vẫn chưa thanh toán tiền vay.

Đến năm 2017, ông Hr được 1 người xưng là cán bộ ngân hàng gọi điện để hỏi lô đất này là của ai, đã bán cho To như thế nào thì lúc này ông Hr mới biết To đã làm thủ tục đứng tên Hà Thị To - Lê Văn Ch là chủ quyền sử dụng đối với thửa đất tại làng V, xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai của anh Siu B và đang được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Tháng 05/2018 anh Siu B làm đơn tố cáo Hà Thị To về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 02/HĐĐG-KL ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Gia Lai xác định: Thửa đất số 10, 11, tờ bản đồ số 66 tại làng V, xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai, với diện tích là 12.443 m² đất trồng cây lâu năm có giá là 174.202.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph và Trần Văn L về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015

2. Về diễn biến phiên tòa:

* Các bị cáo thừa nhận toàn nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo đều đúng. Thừa nhận đã thiếu trách nhiệm trong việc xem xét, xác lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến hành vi phạm tội. Mỗi bị cáo đều xin hỗ trợ, bù đắp cho anh Siu B là người bị thiệt hại về đất số tiền 5.000.000đ

Lời nói sau cùng các bị cáo đều thấy ăn năn hối hận và xin được xem xét khoan hồng.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph, Trần Văn L phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T, mức hình phạt từ 24 tháng đến 30 tháng Cải tạo không giam giữ; Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5-10%.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân C mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5-10%.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự Huỳnh Thị Ph mức án phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự Trần Văn L mức án phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về dân sự: Công nhận sự tự nguyện hỗ trợ của các bị cáo như trên

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Ông Rah Lan Hr, và bà Siu Ngh cho rằng đất này là của anh Siu B con ruột ông bà, do quen biết Hà Thị To từ trước nên ông bà nhờ làm giấy tờ đất cho Siu B nhưng bị Hà Thị To lừa làm giấy cho vợ chồng To rồi thế Ngân hàng, ông bà có nhiều lần hỏi To xong giấy chưa nhưng To trả lời chưa xong giấy đến khi Ngân hàng thông báo đất bị thế chấp và không có khả năng trả nợ thì ông bà mới biết và anh B làm đơn tố cáo. Ông bà có mượn To 14 triệu đồng và tính lãi thành 20 triệu đồng. Lúc gặp ngoài đường To nói ký nợ vào

tờ giấy trắng nên ông ký chứ không ký giấy mua bán đất. Nay ông bà nhất trí phân dân sự được giải quyết trong vụ án có Hà Thị To bị truy tố và nhất trí việc các bị cáo hỗ trợ cho anh Boong mỗi bị cáo 5.000.000đ. Ngoài ra ông bà không có ý kiến gì khác.

* Hà Thị To xác nhận toàn bộ giấy tờ xin cấp đất là do To nộp nhưng To không lừa gia đình ông Hr mà To và gia đình ông Hr thỏa thuận làm giấy tờ đất đứng tên To rồi To vay tiền cùng xài vì gia đình ông Hr không thể vay tiền. Nay xét xử các bị cáo thì To không ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Về hành vi phạm tội của Lê Văn T và Trần Xuân C:

Bị cáo Lê Văn T nguyên là cán bộ địa chính xã Ia K, huyện Chư S được tuyển dụng theo đúng chuyên môn nghiệp vụ cáo trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ia K các nội dung quy định về đất đai, trong đó có việc kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người dân trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Bị cáo là người thẩm định hồ sơ của Hà Thị To, khi thực hiện việc kiểm tra, xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt trong quá trình xét cấp GCNQSDĐ, thì bị cáo thực hiện nhiệm vụ một cách qua loa không phát hiện ra Giấy sang nhượng đất rẫy mà Hà Thị To nộp không ghi địa chỉ thửa đất, bị cáo chủ quan khi căn cứ vào trích lục thửa đất do Hà Thị To tự yêu cầu đo vẽ. Bị cáo đã làm danh sách niêm yết công khai tại UBND xã Ia K nhưng lại không niêm yết tại khu dân cư có đất. Ngoài ra căn cứ vào thời gian mua bán trên giấy sang nhượng quá lâu đủ thấy cần thiết phải yêu cầu bên bán và bên mua đến UBND xã để xác minh nguồn gốc đất, hiện trạng đất nhưng bị cáo không thực hiện.

Đối với bị cáo Trần Xuân C: với trách nhiệm là Chủ tịch UBND xã Ia K, huyện Chư S nhưng khi Lê Văn T trình hồ sơ, bị cáo đã không kiểm tra hồ sơ theo quy định, không phát hiện ra những thiếu sót trong hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ nêu trên, không phát hiện ra 07 mục tại phần “xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn” không được ghi đầy đủ nội dung, chỉ có chữ ký của Lê Văn T mà đã tin tưởng bị cáo Lê Văn T, đã ký xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của Hà Thị To.

- Về hành vi phạm tội của Huỳnh Thị Ph và Trần Văn L:

Các bị cáo là nhân viên và lãnh đạo của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Chư S, đều có trình độ chuyên môn về quản lý đất đai. Quá trình làm việc các bị cáo Huỳnh Thị Ph được phân công làm nhiệm vụ thực hiện các thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hồ sơ Hà Thị To, bị cáo Ph có trách nhiệm kiểm tra trích lục, nguồn gốc đất, thông báo thuế và kiểm tra thủ tục, pháp lý của hồ sơ nếu thấy đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ thì trình lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Chư S là bị cáo Trần Văn L ký xác nhận, chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chư S giải quyết. Các bị cáo đã không thực hiện kiểm tra đầy đủ các quy định của Nhà nước về cấp GCNQSDĐ lần đầu, không phát hiện các thiếu sót là: giấy sang nhượng đất rẫy không thể hiện vị trí thửa đất, trong hồ sơ không có các tài liệu thể hiện việc xác minh nguồn gốc, hiện trạng, công khai hồ sơ của UBND xã mà ký xác nhận là hồ sơ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Từ những hành vi thiếu trách nhiệm của các bị cáo dẫn đến Hà Thị To, Lê Văn Chương được UBND huyện Chư S cấp GCNQSDĐ trên diện tích đất của gia đình anh Siu B đang sử dụng, sau đó Hà Thị To đã thế chấp cho các Ngân hàng và sử dụng toàn bộ số tiền vay được, đến nay không có khả năng thanh toán và đang bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Giá trị quyền sử dụng đất được xác định là 174.202.000 đồng.

Do đó, các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph, Trần Văn L đã phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo tình tiết định khung “Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 BLHS năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của Cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, tác động xấu đến lòng tin của nhân dân đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai. Các bị cáo không thực hiện đúng công vụ được giao và tin tưởng vào cấp dưới dẫn đến sai phạm. Trong vụ án này các bị cáo Lê Văn T và Trần Xuân C là công chức tại xã thực hiện các thủ tục kiểm tra, xác minh, thẩm định đất đai nhưng không thẩm định thực tế mà ký xác nhận các thủ tục chuyển cho Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Chư S. Do tin tưởng hồ sơ này nên Huỳnh Thị Ph trình cho Trần Văn L xác nhận hồ sơ của Hà Thị To - Lê Văn Ch đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Như vậy, mức độ vi phạm của Lê Văn T và Trần Xuân C cao hơn Huỳnh Thị Ph và Trần Văn L

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C và Huỳnh Thị Ph có nhân thân tốt, bị cáo Trần Văn L bị xử lý kỷ luật

từ năm 2011 với hình thức Cảnh cáo nên đến nay thuộc trường hợp coi như chưa bị xử lý. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo không thuộc trường hợp phải bồi thường nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, tại phiên tòa mỗi bị cáo đều tự nguyện hỗ trợ cho người bị thiệt hại 5.000.000đ nên được Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Xuân C, Trần Văn L trong quá trình công tác đạt được nhiều thành tích như: bị cáo L được công nhận Chiến sỹ thi đua nhiều năm liền, được Bộ Tài nguyên môi trường được tặng Kỷ niệm chương; Bị cáo C được huyện Chư S tặng Giấy khen, được Bộ công an tặng Kỷ niệm chương. Nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Riêng đối với bị cáo T trong quá trình công tác được UBND huyện Chư S tặng Giấy khen trong quá trình công tác, mẹ bị cáo là người có công với đất nước đã tham gia dân công hỏa tuyến đến nay vẫn được hưởng chế độ của nhà nước đối với người có công; bị cáo Ph nuôi 02 con nhỏ đều dưới 36 tháng tuổi; được UBND huyện Chư P tặng Giấy khen trong quá trình công tác nên hai bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS

[5] Về hình phạt:

Xét trong vụ án này các bị cáo đều có chức danh, chức vụ tại địa bàn xã Ia Ko và huyện Chư S, bản thân các bị cáo đều công tác lâu năm tại địa phương, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội với lỗi vô ý do hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hà Thị To; Các bị cáo không thuộc diện bồi thường nhưng đã được bồi thường khắc phục hậu quả, thể hiện các bị can ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm, bù đắp thiệt hại cho người bị hại, diễn biến phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đều xứng đáng được hưởng sự khoan hồng. Cụ thể như sau:

Các bị cáo Lê Văn T và Trần Xuân C đều có công việc và có chỗ ở ổn định, mức độ phạm tội của các bị cáo như đã phân tích trên thì không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội bằng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần xử các bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Khấu trừ thu nhập của các bị cáo này với mức 5%/tháng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ mức độ phạm tội của các bị cáo Huỳnh Thị Ph và Trần Văn L cũng như xét các bị cáo có công việc ổn định, có điều kiện và có thể áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS xử các bị cáo hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo này cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe đối với xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Xét thửa đất có GCNQSDĐ số BX 418530 mà UBND huyện Chư S cấp cho Hà Thị To- Lê Văn Ch trên thửa đất của anh Siu B là do Hà Thị To thực

hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đang thụ lý giải quyết, thiệt hại đối với thửa đất này do Hà Thị To chịu trách nhiệm nên các bị cáo không phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự mà sẽ giải quyết phần dân sự trong vụ án có bị cáo Hà Thị To phạm tội nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa mỗi bị cáo tự nguyện hỗ trợ cho anh Siu B 5.000.000đ nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra mỗi bị cáo đã nộp 43.550.500 đồng. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Số tiền còn lại cơ quan thi hành án sẽ trả lại cho các bị cáo sau khi khấu trừ.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph, Trần Văn L phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

*Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 30 (ba mươi) tháng Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Xuân C 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã IaK trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã IaK, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Xuân C; bị cáo Lê Văn T để sung công quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ thực hiện theo khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

*Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử Phạt tiền đối với bị cáo Huỳnh Thị Ph với mức Phạt tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử Phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn L với mức Phạt tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự

Công nhận sự tự nguyện của các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph, Trần Văn L hỗ trợ cho anh Siu B mỗi bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Anh Siu B có quyền liên hệ đến Cơ quan thi hành án để được nhận số tiền này.

4. Về vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp (mỗi bị cáo 43.550.500 đồng) theo biên bản giao nhận vật chứng số 14/2020 lập ngày 16/12/2019, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo việc thi hành án. Sau khi khấu trừ các khoản phải thi hành án, số tiền còn lại (nếu có) của bị cáo nào thì cơ quan Thi hành án sẽ trả lại cho bị cáo đó.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Văn T, Trần Xuân C, Huỳnh Thị Ph, Trần Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Hồng